

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO
Năm 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600687943 so Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 09/3/2017.
- Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 35.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: 02513.560.727
- Số fax: 02513.560.455
- Website: <http://www.idico-mci.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): MCI

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO (IDICO-MCI) được thành lập theo Quyết định số 1713/QĐ-BXD ngày 06/12/2000 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Nhà máy vật liệu xây dựng Tuy hạ của Công ty Phát triển đô thị và khu công nghiệp - Bộ Xây dựng. Ngày 25/6/2004 Bộ Xây dựng có Quyết định số 1021/QĐ-BXD về việc chuyển Công ty Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp thành Công ty CP Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác đá, cát, sỏi; Chế biến đá.
- Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao: Sản xuất phụ gia cho sản xuất xi măng.
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng.
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công cơ khí.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: - Cho thuê xe máy; Cho thuê thiết bị.
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy: Bảo dưỡng xe máy.

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh thiết bị xây dựng.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê:

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, kinh doanh nhà ở.

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng, dầu, nhớt.

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

- Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn đầu tư xây dựng (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng).

- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp.

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông.

- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, đường dây và trạm, biến áp điện.

- Chuẩn bị mặt bằng.

- Chi tiết: Thi công san lấp và xử lý nền móng; khai hoang xây dựng đồng ruộng.

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và Phát triển vật liệu IDICO hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

• **Đại Hội đồng cổ đông:** đây là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền.

• **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, được ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT thay mặt Công ty để quản lý thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty; quyết định, định hướng, xây dựng kế hoạch trình ĐHĐCĐ; Bổ nhiệm, chỉ đạo Giám đốc; kiến nghị mức chi trả cổ tức trình ĐHĐCĐ,....

• **Ban kiểm soát:** Số lượng Ban kiểm soát 03 người, nhiệm kỳ 05 năm. Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ bầu ra nhằm giám sát các hoạt động của HĐQT

và Giám đốc đúng theo Điều lệ, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và pháp luật hiện hành; BKS xem xét kiểm tra tính hợp lý các sổ sách kế toán, các báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty,

- **Ban Giám đốc:** Giám đốc. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty, điều hành mọi hoạt động của công ty.

- **Kế toán trưởng:** 01 người

Chức năng của một số phòng ban chính:

- **Văn Phòng tổng hợp:**

- Văn phòng Tổng hợp là cơ quan giúp việc Giám đốc Công ty, thực hiện chức năng tham mưu, tổng hợp, tổ chức phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty trong việc thực hiện các quyết định của Giám đốc Công ty.

- Văn phòng là đầu mối quan hệ với các cơ quan ban ngành theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

- Thực hiện các quy định về văn thư, lưu trữ, bảo mật, các nguyên tắc quản lý công văn, giấy tờ đi, đến, các biện pháp quản lý tài sản thuộc lĩnh vực chuyên môn.

- Phối hợp với các phòng ban chức năng xây dựng chế độ làm việc, giao dịch, tiếp khách, bảo vệ cơ quan, trang trí, khánh tiết,..công tác an ninh trật tự.

- Hướng dẫn các nhân viên nghiệp vụ thực hiện đúng các nguyên tắc quản lý văn thư, thiết bị văn phòng, xe con,..Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty.

- Tham mưu giúp việc lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý, điều hành về các lĩnh vực: Tổ chức sản xuất, công tác cán bộ, công tác lao động, tiền lương, công tác thanh tra và an ninh quốc phòng.

- **Phòng tài chính kế toán:**

- Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty tổ chức, quản lý và giám sát công tác tài chính, kế toán có hiệu quả, đúng quy chế, đúng pháp luật.

- Cung cấp những thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu kịp thời để Giám đốc Công ty đánh giá tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty. Trên cơ sở đó giúp cho việc kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn và khả năng huy động nguồn vốn vào sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty đề ra các quyết định đầu tư tài chính, đồng thời tiến hành xây dựng các kế hoạch kinh tế kỹ thuật, tài chính, xây dựng hệ thống giải pháp khả thi nhằm tăng cường quản lý hoạt động của Công ty, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh, tăng lợi nhuận.

- **Phòng Kế hoạch Kỹ thuật:**

– Tham mưu giúp Giám đốc Công ty, lãnh đạo Công ty trong quản lý điều hành doanh nghiệp về lĩnh vực kinh tế, kế hoạch, kỹ thuật sản xuất vật liệu, thi công xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng dự án và các lĩnh vực khác khi được phân công.

– Xây dựng kế hoạch định hướng phát triển trung dài hạn, hàng năm, hàng quý, hàng tháng và tổng hợp kết quả thực hiện theo định kỳ của Giám đốc Công ty để báo cáo đơn vị chủ quản hoặc các ban ngành khác khi có yêu cầu.

– Tham gia đấu thầu tiếp thị tìm kiếm việc làm, tìm cơ hội đầu tư và tìm kiếm đối tác để việc đầu tư thiết bị xe máy, thiết bị thi công (Khi Công ty có nhu cầu) phù hợp về tiêu chuẩn, kỹ thuật, giá cả hợp lý.

– Quản lý công tác kỹ thuật thi công xây dựng, tiến độ, chất lượng và giá thành đối với những gói thầu do Công ty ký hợp đồng.

– Lập và thực hiện thủ tục đầu tư các dự án theo đúng Nghị định của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của nhà nước hiện hành.

– Thực hiện và hướng dẫn về nghiệp vụ công tác kinh tế, kế hoạch, kỹ thuật đối với ngành dọc trong toàn Công ty như: Văn bản, thông tư, chế độ chính sách mới để vận dụng, tiêu chuẩn, quy chuẩn thay đổi hoặc mới ban hành.

– Phổ biến kiểm tra công tác an toàn lao động đến các đơn vị.

– Phối hợp với các phòng chức năng Công ty để tham gia quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

– Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

4. Định hướng phát triển

– Xây dựng chiến lược phát triển chung cho Công ty theo các ngành kinh doanh chính và kế hoạch kinh doanh dài hạn.

– Điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy : Phân công chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các bộ phận, các cấp quản lý, các chức danh.

– Điều chỉnh các cơ chế, chính sách thông qua sự rà soát, thay đổi hợp lý hóa từ các quy trình công việc.

– Tập trung đầu tư vốn vào các ngành nghề kinh doanh chính và có thể mạnh, đem lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

– Cơ cấu lại danh mục tài sản phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty.

– Cơ cấu lại các khoản nợ phải thu, phải trả, đặc biệt là các khoản vay ngân hàng/Tổng công ty.

– Xây dựng kế hoạch tài chính xác thực đảm bảo đáp ứng đủ vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.

– Đa dạng hóa các kênh huy động vốn của các tổ chức tín dụng, liên kết với các cổ đông chiến lược.

– Phân tích đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng lĩnh vực để có biện pháp quản lý điều hành cụ thể phù hợp với thế mạnh và khả năng trong từng lĩnh vực.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	TH năm 2018	Tỷ lệ % so với KH năm
I	Tổng giá trị SXKD:	41.000	29.300	71,5%
1	Giá trị xây lắp	25.000	6.000	24,0%
2	Giá trị kinh doanh khác	16.000	23.300	145,6%
II	Một số chỉ tiêu tài chính:			
1	Doanh thu và thu nhập khác	36.000	37.592	104,4%
	Trong đó:			
-	Xây lắp	20.000	15.156	75,8%
-	Kinh doanh khác	16.000	22.436	140,2%
2	Lợi nhuận trước thuế	100	-600	
3	Nộp NSNN	500	554	110,8%

Trong năm 2018, tình hình Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn về việc làm, chủ yếu tập trung công tác quyết toán các công trình đã thực hiện từ những năm trước. Do đó, kết quả năm 2018 sản lượng thấp so với kế hoạch đề ra.

- Tổng doanh thu năm 2018 đạt hơn 37,5 tỷ đồng chiếm 104,4% theo kế hoạch năm, trong đó: Doanh thu xây lắp đạt hơn 15 tỷ đồng chiếm 75,7% kế hoạch năm. Doanh thu kinh doanh khác đạt gần 22,5 tỷ đồng chiếm 140,3% kế hoạch năm.

Lãi gộp trong năm 2018 đạt gần 5,9 tỷ đồng (*Doanh thu - Giá vốn*), chiếm 15,6%/DT. Tỷ lệ này chỉ đủ để bù đắp các chi phí cố định như: Chi phí quản lý doanh nghiệp (3,9 tỷ đồng, chiếm 10,6%/DT), Chi phí bán hàng (337 triệu đồng, chiếm 0,9%/DT), không đủ bù đắp toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh (2,1 tỷ đồng, chiếm 5,7%/DT) do dư nợ vay hiện tại vẫn còn rất cao so với quy mô hoạt động của Công ty.

Vì vậy, với tỷ lệ lãi gộp này khi phân bổ các chi phí cố định phát sinh vào thì kết quả năm 2018 chưa đạt hiệu quả.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ: 700.000 cổ phần (Đại diện vốn cho Tổng công ty IDICO), chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ IDICO – MCI.

Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam

- Số CMND: 272949736 Ngày cấp: 17/05/2018 Nơi cấp: Đồng Nai
- Ngày tháng năm sinh: 15/10/1985
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đức Thạnh - Mộ Đức - Quảng Ngãi.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3 - P.Trà Bá - TP.Pleiku - Tỉnh Gia Lai.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :

- + Từ tháng 11/2008 đến tháng 8/2009: Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Guyomarc'h Việt Nam.
- + Từ tháng 10/2009 đến tháng 5/2011: Chuyên viên Phòng Kế toán tại Công ty CP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.
- + Từ tháng 6/2011 đến 15/3/2015: Chuyên viên kế toán Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và KCN Việt Nam.
- + Từ 16/3/2015 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty CP đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO.

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng.

- Số cổ phần nắm giữ (12/06/2015): 30.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,86% vốn điều lệ IDICO – MCI.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Không có

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên: 20 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không phát sinh các khoản đầu tư lớn

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT: triệu đồng		
	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	52.030	44.175	Giảm 15%
Doanh thu thuần	23.493	35.736	Tăng 52%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-12.162	-203	
Lợi nhuận khác	3.864	-397	
Lợi nhuận trước thuế	-8.298	-600	
Lợi nhuận sau thuế	-8.298	-600	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,57	0,55	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0,48	0,53	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1,19	1,30	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-5,03	-4,27	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,45	0,8	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,35	-0,1	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,16	-0,01	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 3.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Phổ thông
- Cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.500.000 cổ phần
- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
I	Trong nước	3.500.000	100%
1	Tổ chức	2.868.000	81,94%
2	Cá nhân	632.000	18,06%
II	Ngoài nước	0	0%
1	Tổ chức	0	0%
2	Cá nhân	0	0%
Tổng		3.500.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2018, tình hình Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn về việc làm, chủ yếu tập trung công tác quyết toán các công trình đã thực hiện từ những năm trước. Do đó, kết quả năm 2018 sản lượng thấp so với kế hoạch đề ra.

- Tổng doanh thu năm 2018 đạt hơn 37,5 tỷ đồng chiếm 104,4% theo kế hoạch năm, trong đó: Doanh thu xây lắp đạt hơn 15 tỷ đồng chiếm 75,7% kế hoạch năm. Doanh thu kinh doanh khác đạt gần 22,5 tỷ đồng chiếm 140,3% kế hoạch năm.

Lãi gộp trong năm 2018 đạt gần 5,9 tỷ đồng (*Doanh thu - Giá vốn*), chiếm 15,6%/DT. Tỷ lệ này chỉ đủ để bù đắp các chi phí cố định như: Chi phí quản lý doanh nghiệp (3,9 tỷ đồng, chiếm 10,6%/DT), Chi phí bán hàng (337 triệu đồng, chiếm 0,9%/DT), không đủ bù đắp toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh (2,1 tỷ đồng, chiếm 5,7%/DT) do dư nợ vay hiện tại vẫn còn rất cao so với quy mô hoạt động của Công ty.

Vì vậy, với tỷ lệ lãi gộp này khi phân bổ các chi phí cố định phát sinh vào thì kết quả năm 2018 chưa đạt hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

a. Công nợ khách hàng:

- Tổng nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2018: 18,49 tỷ đồng
- Tổng nợ phải trả khách hàng đến 31/12/2018: 26,17 tỷ đồng

b. Tình hình nợ vay Tổng công ty và Ngân hàng:

- Nợ vay Tổng công ty: 3,6 tỷ đồng
- Nợ vay Ngân hàng:

+ Hạn mức cho vay ngắn hạn: 25 tỷ đồng; Số dư nợ vay đến 31/12/2018: 19,79 tỷ đồng; lãi suất đang áp dụng là 9,2%/năm.

3. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

3.1. Về chưa kết chuyển đầy đủ chi phí trả trước dài hạn với số tiền 1.737.115.819 đồng: Đây là các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện các dự án/công trình:

a. Tại Xí nghiệp xây dựng số 1 (526.509.401 đồng): Chi phí thực hiện các công trình và chi phí Công ty báo nợ cho Xí nghiệp:

- Công trình Nhà Nai: 206.839.562 đồng

Trong đó:

+ Chi phí bảo hành không thu được chủ đầu tư: 176.785.950 đồng

+ Lãi do không thu được chi phí bảo hành: 30.053.612 đồng

- Công trình KCN Long Đức: 255.293.538 đồng

Trong đó:

+ Không thu hồi vốn được khối lượng thực hiện: 227.711.931 đồng

+ Lãi do không thu hồi vốn được: 27.581.607 đồng

- Công trình thoát nước thải Đà Lạt và chi phí khác: 64.376.301 đồng

b. Tại Xí nghiệp Thủy lợi Thủy điện (321.729.506 đồng):

- Chi phí công trình thủy điện Đakdrinh: 93.848.335 đồng

(Đang quyết toán)

- Công ty báo nợ chi phí nộp thay thuế phát sinh: 227.881.171 đồng

c. Tại cơ quan Công ty (888.876.912 đồng):

- Khấu hao Trạm nghiền đá Tân Cang đang ngưng hoạt động: 288.225.990 đồng

(Nguyên giá đầu tư nâng cấp là 5,7 tỷ đồng; đã khấu hao đưa vào chi phí là 2,4 tỷ đồng.).

- Chi phí đầu tư Bến xuất Phú Mỹ: 600.652.922 đồng

3.2. Về Chưa kết chuyển đầy đủ giá vốn hàng bán với số tiền là 895.640.922 đồng: Đây là chi phí phát sinh thực hiện gói thầu XL03 (QL1A) chưa quyết toán với nhà thầu vì chưa đầy đủ hóa đơn chứng từ. Sau khi quyết toán, Công ty sẽ đưa vào giá vốn theo quy định.

3.3. Về Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 3.694.609.991 đồng: Đây là các công nợ có thể thu hồi vì đang chờ quyết toán công trình.

3.4. Về việc kết chuyển một số chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của những năm trước vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2014 với số tiền 13.685.789.872 đồng là chưa phù hợp: Các chi phí này đã phát sinh từ những năm trước nhưng Công ty treo lại chưa đưa vào kết quả sản xuất kinh doanh. Đến cuối năm 2014, để phản ánh đúng thực trạng tình hình tài chính, Công ty đã thực hiện kết chuyển toàn bộ những chi phí này vào kết quả sản xuất kinh

doanh mà không điều chỉnh hạch toán hồi tố vào các năm trước. Điều này, không làm ảnh hưởng đến các khoản mục khác của báo cáo tài chính.

- *Việc điều chỉnh các khoản mục chi phí theo kết luận kiểm tra thuế:* Để kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, Cục thuế tỉnh Đồng Nai đã tiến hành kiểm tra thuế tại Công ty và đã loại một số chi phí không phù hợp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như: Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, vượt mức tiêu hao hợp lý; chi phí khấu hao đối với tài sản cố định không sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; chi phí trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi không đủ điều kiện trích lập. Do đó, để phản ánh đúng tình hình kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm các chi phí trên vào kết quả kinh doanh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2018, HĐQT IDICO-MCI, với vai trò trách nhiệm là đại diện cho Đại hội đồng cổ đông trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT đã tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp được đặt ra nhằm đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng tới hoàn thành các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tuy nhiên, năm 2018 Công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm. Hầu hết tập trung công tác quyết toán các công trình đã thực hiện. Do đó, kết quả năm 2018 sản lượng và doanh thu thấp so với kế hoạch đề ra.

*** Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2018:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018		Tỷ lệ Thực hiện/Kế hoạch
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	36.000	37.592	104,4%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	100	-600	
3	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	0,28%	-1,7%	

Lãi gộp của từng lĩnh vực trong năm 2018 phần lớn đều có lãi với tổng lãi gộp đạt gần 5,9 tỷ đồng (*Doanh thu - Giá vốn*), chiếm 15,6%/DT nhưng vẫn không đủ bù đắp các chi phí cố định chiếm tỷ trọng lớn là 17,1%/DT (6,4 tỷ đồng) như: *chi phí bán hàng 0,9%/DT (337 triệu đồng), chi phí quản lý doanh nghiệp 10,6%/DT (3,9 tỷ đồng), chi phí tài chính 5,7%/DT (2,1 tỷ đồng)*. Do đó, khi phân bổ các chi phí cố định này vào thì kết quả năm 2018 chưa đạt hiệu quả.

Do số dư nợ vay hiện nay vẫn còn rất lớn nên chi phí lãi vay phát sinh tương đối cao trong thành phần chi phí cố định (2,1 tỷ đồng).

2. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị:

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định.

Năm 2018, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, nhằm đề ra các chủ trương, giải pháp chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, với việc tình hình tài chính khó khăn kéo dài từ những năm trước, Công ty không đảm bảo nguồn vốn tự có để thực hiện sản xuất kinh doanh mà phần lớn là sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn từ Ngân hàng. Do đó, Công ty luôn chịu áp lực với việc trả lãi hàng tháng...

Đồng thời, với tình hình tài chính khó khăn như thế dẫn đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính luôn không đạt yêu cầu. Điều này gây rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm trong và ngoài tỉnh. Đa số chỉ thực hiện các công trình/dự án do Tổng công ty IDICO làm chủ đầu tư. Đồng thời, cũng không thể thực hiện được các dự án đầu tư hiện có.

Vì vậy, kết quả kinh doanh năm 2018 chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

3. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong năm qua HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua, giám sát và chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các Nghị quyết của HĐQT.

4. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2019

Trong năm 2019, HĐQT chủ trương đề ra các mục tiêu chiến lược định hướng phát triển Công ty theo hướng duy trì, ổn định hoạt động.

Năm 2019, IDICO-MCI tập trung định hướng vào một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
1	Doanh thu	Tr.đồng	37.592	29.636
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	-600	-
3	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	-1,7%	-

b. Công tác quản lý kiểm tra giám sát của HĐQT

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.

- Tiếp tục nghiên cứu hệ thống quản trị doanh nghiệp cho phù hợp nhằm quản lý một cách chặt chẽ và đồng bộ trong sản xuất kinh doanh.

- Tập trung công tác tái cấu trúc doanh nghiệp, đổi mới về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, điều hành sản xuất của Công ty, tinh giảm gọn nhẹ nhằm nâng cao hiệu quả công tác điều hành và quản lý Công ty.

c. Các giải pháp thực hiện

Xây dựng định hướng chiến lược trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục đẩy mạnh chương trình tái cấu trúc doanh nghiệp, bên cạnh công tác quản lý doanh nghiệp dựa trên cơ sở đào tạo phát triển năng lực, phát triển lao động trở thành những nhân tố hiệu quả, nghiên cứu sửa đổi các quy chế hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tiễn Công ty.

Chú trọng công tác quản lý phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, từng bước hoàn thiện bộ máy của Công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa.

Với những định hướng nêu trong báo cáo, HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo và giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		29.987.525.910	35.323.852.214
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.300.168.995	2.671.795.059
1. Tiền	111		1.300.168.995	2.171.795.059
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.385.323.893	26.623.746.476
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	18.492.427.845	18.316.694.453
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.007.277.148	7.606.221.148
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	3.339.393.729	3.710.233.706
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(7.951.430.630)	(8.507.058.632)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	5.497.655.801	5.497.655.801
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	1.298.656.585	6.024.934.242
1. Hàng tồn kho	141		1.579.141.452	6.306.224.737
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(280.484.867)	(281.290.495)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.376.437	3.376.437
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	3.376.437	3.376.437
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		14.188.046.029	16.706.227.123
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		6.952.220.658	8.146.517.965
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	6.756.531.768	7.942.920.235
- Nguyên giá	222		27.103.604.861	27.103.604.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.347.073.093)	(19.160.684.626)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	195.688.890	203.597.730
- Nguyên giá	228		442.147.508	442.147.508
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(246.458.618)	(238.549.778)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.498.709.552	7.110.819.329
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	5.498.709.552	7.110.819.329
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		1.737.115.819	1.448.889.829
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	1.737.115.819	1.448.889.829
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		44.175.571.939	52.030.079.337

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		57.674.274.380	64.928.039.444
I- Nợ ngắn hạn	310		53.831.157.481	61.434.922.545
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	26.169.855.209	24.208.602.152
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		232.372.338	3.739.484.532
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.309.325.976	1.275.988.562
4. Phải trả người lao động	314		-	255.599.071
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	3.396.685	3.396.685
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	2.720.428.976	6.691.312.645
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	23.395.778.297	25.260.538.898
II- Nợ dài hạn	330		3.843.116.899	3.493.116.899
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.13	1.143.116.899	1.143.116.899
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	2.700.000.000	2.350.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		(13.498.702.441)	(12.897.960.107)
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	(13.498.702.441)	(12.897.960.107)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.941.569.263	2.941.569.263
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(51.440.271.704)	(50.839.529.370)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(50.839.529.370)	(42.541.313.377)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		(600.742.334)	(8.298.215.993)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		44.175.571.939	52.030.079.337

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	35.736.592.630	23.493.221.959
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	35.736.592.630	23.493.221.959
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	29.505.213.283	19.706.083.506
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.231.379.347	3.787.138.453
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	5.915.831	47.124.419
7. Chi phí tài chính	22	5.20	2.131.293.761	2.096.955.878
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.131.293.761	2.096.951.274
8. Chi phí bán hàng	25	5.21	336.542.881	305.309.207
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	3.973.071.544	13.594.953.742
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(203.613.008)	(12.162.955.955)
11. Thu nhập khác	31	5.23	1.849.094.260	4.204.062.387
12. Chi phí khác	32	5.23	2.246.223.586	339.322.425
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(397.129.326)	3.864.739.962
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(600.742.334)	(8.298.215.993)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(600.742.334)	(8.298.215.993)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	5.25	(172)	(2.371)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(600.742.334)	(8.298.215.993)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.194.297.307	1.320.018.841
- Các khoản dự phòng	03	(556.433.630)	3.845.221.252
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	4.604
- Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.915.831)	340.857.399
- Chi phí lãi vay	06	2.131.293.761	2.096.951.274
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	2.162.499.273	(695.162.623)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(205.949.415)	4.983.563.881
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	4.727.083.285	(3.219.663.582)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(3.984.461.353)	(2.831.856.746)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(288.225.990)	3.831.953.716
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.923.727.094)	(1.890.117.941)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	487.218.706	178.716.705
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	132.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.915.831	47.124.419
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.915.831	179.124.419
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	34.416.602.025	31.636.749.037
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36.281.362.626)	(29.978.932.686)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.864.760.601)	1.657.816.351
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(1.371.626.064)	2.015.657.475
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.671.795.059	656.142.188
	61	-	(4.604)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.300.168.995	2.671.795.059

Đồng Nai, Ngày 19 tháng 4 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
TRẦN HUY HÙNG